ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

NHIỀU TÁC GIẢ

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TOÀN QUỐC
LẦN THỨ II

PROCEEDINGS OF THE SECOND NATIONAL CONFERENCE ON LAND MANAGEMENT

Chủ đề:Quản lý và sử dụng tài nguyên đất thích ứng với biến đổi khí hậu
Climate change adaptation in land use and management

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
Huế, 2024

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Quản lý đất đai toàn quốc lần thứ II - Quản lý và sử dụng tài nguyên đất thích ứng với biến đổi khí hậu = Proceedings of the second national conference on land management - Climate change adaptation in land use and management / Nguyễn Hữu Ngữ, Dương Quốc Nõn, Nguyễn Ngọc Thanh... - Huế : Đại học Huế, 2024. - 547 tr. : minh hoạ ; 30 cm

Thư mục cuối mỗi bài

ISBN 978-604-489-315-0

1. Quản lí nhà nước 2. Đất 3. Việt Nam 4. Kỉ yếu Hội thảo

354.3409597 - dc23

DUF0828p-CIP

Mã số sách: NC/375-2024

DANH SÁCH CÁC BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TOÀN QUỐC LẦN THỨ 2, NĂM 2024

I. BAN CHỈ ĐẠO

1.	PGS.TS. Trần Thanh Đức	Hiệu trưởng, Trường ĐHNL, ĐHH	Trưởng ban
2.	GS.TS. Lê Đình Phùng	Phó Hiệu trưởng, Trường ĐHNL, ĐHH	P. Trưởng ban
3.	PGS.TS. Huỳnh Văn Chương	Cục trưởng, Cục Quản lý chất lượng, Bộ GĐ&ĐT	Thành viên
4.	GS.TS. Nguyễn Thị Lan	Giám đốc, HVNN Việt Nam	Thành viên
5.	GS.TS. Trần Ngọc Hải	Phó Hiệu trưởng, Trường ĐHCT	Thành viên
6.	PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngữ	Trưởng khoa, TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên

II. BAN TỔ CHỨC

1.	PGS.TS. Trần Thanh Đức	Hiệu trưởng, Trường ĐHNL, ĐHH	Trưởng ban
2.	GS.TS. Lê Đình Phùng	Phó Hiệu trưởng, Trường ĐHNL, ĐHH	P. Trưởng ban
3.	PGS.TS Nguyễn Hữu Ngữ	Trưởng khoa, TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	P. Trưởng ban
4.	PGS.TS. Nguyễn Văn Công	Trưởng khoa, MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
5	PGS.TS. Trần Trọng Phương	Trưởng khoa, TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
6.	GS.TS. Võ Quang Minh	Phó Chủ tịch, Hội Khoa học Đất Việt Nam	Thành viên
7.	PGS. TS. Phạm Hữu Tỵ	Trưởng phòng, KH,HTQT&TTTV, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
8.	TS. Nguyễn Văn Bình	Phó Trưởng khoa, TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
9.	PGS.TS. Phạm Thanh Vũ,	Trưởng Bộ môn, Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
10.	PGS.TS. Võ Hữu Công	Phó Trưởng khoa, TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên

III. TIỂU BAN CHUYÊN MÔN

1.	PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngữ	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Trưởng ban
2.	TS. Nguyễn Văn Bình	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	P. Trưởng ban
3.	TS. Nguyễn Thị Hải	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
4.	TS. Trần Thị Phượng	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
5.	TS. Trần Trọng Tấn	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
6.	TS. Nguyễn Bích Ngọc	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
7.	TS. Lê Đình Huy	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
8.	TS. Nguyễn Thuỳ Phương	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
9.	TS. Nguyễn Ngọc Thanh	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
10.	TS. Lê Ngọc Phương Quý	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
11.	TS. Dương Thị Thu Hà	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
12.	PGS.TS. Phạm Hữu Tỵ	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
13.	TS. Trần Thị Minh Châu	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
14.	PGS.TS. Trần Trọng Phương	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
15.	PGS.TS. Trần Quốc Vinh	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
16.	PGS.TS. Đỗ Văn Nhạ	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
17.	PGS.TS. Nguyễn Quang Học	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
18.	PGS.TS. Đỗ Thị Tám	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
19.	PGS.TS. Phan Thị Thanh Huyền	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên

20.	TS. Nguyễn Văn Quân	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
21.	TS. Phạm Phương Nam	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
22.	TS. Phan Văn Khuê	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
23.	TS. Đỗ Thị Đức Hạnh	Khoa TN&MT, HVNN Việt Nam	Thành viên
24.	PGS.TS. Phạm Thanh Vũ	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
25.	GS.TS. Võ Quang Minh	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
26.	PGS.TS. Phan Trung Hiền	Khoa Luật, Trường ĐHCT	Thành viên
27.	PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Điệp	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
28.	TS. Trương Chí Quang	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
29.	TS. Phan Kiều Diễm	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
30.	PGS.TS. Phạm Văn Toàn	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
31.	PGS.TS. Nguyễn Đình Giang Nam	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
32.	PGS.TS. Võ Quốc Tuấn	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
33.	PGS.TS. Nguyễn Thanh Giao	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
34.	TS. Huỳnh Thị Thu Hương	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
35.	PGS.TS. Nguyễn Võ Châu Ngân	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
36.	TS. Châu Hoàng Thân	Khoa Luật, Trường ĐHCT	Thành viên
37.	TS. Trần Văn Hùng	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
38.	TS. Phan Chí Nguyện	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
39.	TS. Nguyễn Công Thuận	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên
40.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Lộc	Khoa MT&TNTN, Trường ĐHCT	Thành viên

IV. TIỂU BAN THƯ KÝ

1.	TS. Nguyễn Văn Bình	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Trưởng ban
2.	ThS. Nguyễn Phúc Khoa	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	P. Trưởng ban
3.	TS. Nguyễn Ngọc Thanh	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
4.	ThS. Dương Quốc Nõn	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
5.	ThS. Nguyễn Đình Tiến	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
6.	ThS. Hồ Nhật Linh	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
7.	ThS. Nguyễn Tiến Nhật	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
8.	ThS. Phạm Thảo Hiền	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
9.	ThS. Trần Thị Diệu Hiền	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên

V. TIỂU BAN HẬU CẦN

1.	TS. Nguyễn Thị Hải	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Trưởng ban
2.	TS. Trần Trọng Tấn	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	P. Trưởng ban
3.	ThS. Trần Thị Kiều My	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
4.	ThS. Lê Hữu Ngọc Thanh	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
5.	ThS. Trần Thị Ánh Tuyết	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
6.	ThS. Trịnh Ngân Hà	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
7.	ThS. Nguyễn Văn Tiệp	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
8.	ThS. Trần Thị Thùy Hương	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên

9.	TS. Nguyễn Đức Hồng	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
10.	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Lan	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
11.	ThS. Tôn Nữ Tuyết Trinh	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
12.	ThS. Nguyễn Ngọc Ánh	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
13.	ThS. Nguyễn Thành Nam	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên
14.	ThS. Võ Phan Nhật Quang	Khoa TNĐ&MTNN, Trường ĐHNL, ĐHH	Thành viên

CÁC NHÀ KHOA HỌC THAM GIA PHẢN BIỆN

1.	PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngữ	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
2.	TS. Nguyễn Văn Bình	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
3.	TS. Nguyễn Thị Hải	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
4.	PGS.TS. Trần Thị Phượng	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
5.	TS. Trần Trọng Tấn	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
6.	TS. Nguyễn Bích Ngọc	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
7.	TS. Lê Đình Huy	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
8.	TS. Nguyễn Thuỳ Phương	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
9.	TS. Nguyễn Ngọc Thanh	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
10.	TS. Lê Ngọc Phương Quý	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
11.	TS. Dương Thị Thu Hà	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
12.	PGS.TS. Phạm Hữu Tỵ	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
13.	TS. Trần Thị Minh Châu	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
14.	GS.TS. Hoàng Thị Thái Hòa	Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế
15.	TS. Phạm Gia Tùng	Khoa Quốc tế, Đại học Huế
16.	PGS.TS. Cao Việt Hà	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
17.	TS. Luyện Hữu Cử	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
18.	PGS.TS. Trần Trọng Phương	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
19.	TS. Nguyễn Thu Hà	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
20.	PGS.TS. Đỗ Văn Nhạ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
21.	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
22.	TS. Nông Hữu Dương	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
23.	TS. Quyền Thị Lan Phương	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
24.	PGS.TS. Trần Quốc Vinh	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
25.	TS. Phan Văn Khuê	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
26.	TS. Ngô Thanh Sơn	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
27.	TS. Nguyễn Đình Trung	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
28.	PGS.TS. Đỗ Thị Tám	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
29.	TS. Nguyễn Đức Lộc	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
30.	PGS.TS. Võ Hữu Công	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
31.	TS Phạm Anh Tuấn	Đại học Tài nguyên và MT Hà Nội
32.	TS. Bùi Huy Hiền	Hội Khoa học Đất Việt Nam
33.	GS.TS. Võ Quang Minh	Trường Đại học Cần Thơ
34.	TS. Châu Hoàng Thân	Trường Đại học Cần Thơ
35.	TS. Trần Văn Hùng	Trường Đại học Cần Thơ
36.	PGS.TS. Trương Chí Quang	Trường Đại học Cần Thơ
37.	TS. Phan Kiều Diễm	Trường Đại học Cần Thơ
38.	TS. Nguyễn Minh Thông	Ủy ban Kiểm tra thành ủy, Thành phố Cần Thơ
39.	TS. Nguyễn Hồng Thảo	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ
40.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Lộc	Trường Đại học Cần Thơ
41.	PGS.TS. Phạm Thanh Vũ	Trường Đại học Cần Thơ
42.	TS. Phan Chí Nguyện	Trường Đại học Cần Thơ
43.	TS. Nguyễn Quốc Hậu	Viện Khoa học và HTQT, Đại học Xây dựng Miền Tây

44.	TS. Lý Trung Nguyên	Trường Đại học Cần Thơ
45.	TS. Phạm Thanh Thảo	Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
46.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Điệp	Trường Đại học Cần Thơ

LỜI NÓI ĐẦU

Đất đai là nguồn tài nguyên quốc gia đặc biệt quan trọng và có tác động tới sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực. Đến nay, hệ thống chính sách và pháp luật về đất đai đã cơ bản giải quyết được các vấn đề liên quan tới quản lý sử dụng đất trong bối cảnh phát triển hiện tại của quốc gia và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, biến đổi khí hậu đã và đang diễn ra ngày càng gay gắt, ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động kinh tế - xã hội và công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên nói chung, quản lý đất đai nói riêng. Việt Nam là một trong số các nước bị tác động rất nghiêm trọng do biến đổi khí hậu như hạn hán, lũ lụt, sạt lở, xâm nhập mặn, bão…gây ra rất nhiều khó khăn trong việc quản lý và sử dụng đất; do vậy, đất đai cần phải được khai thác, quản lý, sử dụng, quản trị và bảo vệ một cách khoa học và hợp lý. Mặt khác, cần phải sử dụng hiệu quả các công cụ về chính sách và công nghệ để làm gia tăng giá trị sử dụng đất, vừa để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng vừa bảo vệ được nguồn tài nguyên vô cùng quý giá này cho các thế hệ mai sau.

Hội thảo khoa học Quản lý đất đai lần thứ II năm 2024 với chủ đề "*Quản lý và sử dụng tài nguyên đất thích ứng với biến đổi khí hậu"* có mục tiêu: trao đổi về những kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý sử dụng đất, tạo cơ hội hợp tác và nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý nhà nước, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hội thảo được đồng tổ chức bởi Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế; Học viện Nông nghiệp Việt Nam và Trường Đại học Cần Thơ. Hội thảo được kỳ vọng sẽ là nơi để các nhà khoa học, cán bộ giảng viên, các học viên, nghiên cứu sinh của các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu; chuyên gia trong nước và quốc tế; nhà quản lý từ các Bộ, Sở, ban ngành liên quan; các công ty, doanh nghiệp lĩnh vực tài nguyên và môi trường trong cả nước gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm cũng như học thuật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Các chủ đề chính của Hội thảo khoa học Quản lý đất đai toàn quốc lần thứ II năm 2024 tập trung vào các vấn đề:

- Quản lý bền vững tài nguyên đất đai;
- Quản lý hồ sơ địa chính trong giai đoạn hiện nay;
- Phát triển quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội;
- Khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai; một số phương pháp định giá đất;
- Đô thị hóa và sử dụng đất;
- Quy hoạch sử dụng đất trong thời đại công nghệ số: cơ hội và thách thức;
- Sử dụng đất và biến đổi khí hậu;
- Ứng dụng công nghệ trắc địa - bản đồ trong khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên đất đai;
- Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý và sử dụng đất;
- Ô nhiễm môi trường đất và giải pháp xử lý;
- Thị trường bất động sản trong bối cảnh suy thoái kinh tế;
- Vướng mắc, bất cập trong quản lý đất đai ở các địa phương.

Hội thảo được tổ chức thành công là sự đóng góp của nhiều cơ quan, ban ngành, các trường đại học, học viện, các nhà tài trợ và tập thể các nhà khoa học trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường. Chúng tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến các thành viên trong Ban Tổ chức hội thảo, Hội đồng khoa học chuyên môn và các nhà khoa học đã hỗ trợ trong quá trình đọc phản biện, thẩm định phê duyệt các bài báo đăng trong 2 số của Tạp chí Khoa học đất và một Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc. Ban Tổ chức trân trọng cảm ơn các nhà tài trợ cho Hội thảo. Chân thành cảm ơn lãnh đạo 3 đơn vị đồng tổ chức: Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế; Học viện Nông nghiệp Việt Nam và Trường Đại học Cần Thơ.

Chúc cho Hội thảo khoa học Quản lý đất đai toàn quốc lần thứ II và các Hội thảo khoa học tiếp theo thành công tốt đẹp.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ

PGS.TS. Trần Thanh Đức

MỤC LỤC

BÁO CÁO PHIÊN TỔNG THỂ

STT	Tên bài báo	Nhóm tác giả	Trang
1	SẠT LỞ BỜ BIỂN VÀ BIẾN ĐỘNG ĐƯỜNG BỜ TẠI MIỀN TRUNG: TRƯỜNG HỢP CỬA BIỂN THUẬN AN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	*Nguyễn Hữu Ngữ, Dương Quốc Nõn, Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Văn Bình, Đào Đức Hưởng*	2
2	TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	*Võ Quang Minh, Phạm Thanh Vũ, Nguyễn Đình Giang Nam*	11
3	QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI VIỆT NAM: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC	*Trần Trọng Phương, Đỗ Thị Tám, Trần Đức Viên*	22

CHUYÊN ĐỀ: TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI VÀ MÔI TRƯỜNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

STT	Tên bài báo	Nhóm tác giả	Trang
4	ĐÁNH GIÁ CÁC TRỞ NGẠI ĐỘ PHÌ ĐẤT CHO MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHỦ LỰC CHO TỈNH HẬU GIANG	*Lư Bửu Ngọc, Võ Quang Minh, Lê Quang Trí*	36
5	PHÂN LẬP VI SINH VẬT HỮU ÍCH ĐỂ HƯỚNG ĐẾN SẢN XUẤT PHÂN VI SINH CẢI TẠO VÀ PHỤC HỒI ĐẤT Ô NHIỄM HOÁ CHẤT BẢO VỆ THỰC VẬT GỐC CLO	*Đinh Hồng Duyên, Bùi Thị Thu Hương*	43
6	DESIGN THE PRODUCTION PROCESS OF BIOMATERIAL FOR COVERED REVEGETATION ON SLOPE IN VIETNAM	*Nguyễn Thị Minh, Lê Minh Nguyệt, Nobuyuki Kohno and Takuya Marumoto*	51
7	CẬP NHẬT VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ THAY ĐỔI BẢN ĐỒ ĐẤT TẠI HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2005-2023	*Phan Hoàng Vũ, Phạm Thanh Vũ, Trần Văn Hùng, Vũ Ngọc Hùng, Võ Quang Minh*	63

8	NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA THAN SINH HỌC (BIOCHAR) ĐẾN MỘT SỐ TÍNH CHẤT ĐẤT XÁM BẠC MÀU (ACRISOLS) TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN	*Dương Minh Ngọc, Hoàng Thị Lan Anh, Nguyễn Kim Ngọc, Nguyễn Chí Hiếu, Nguyễn Duy Hải*	71
9	ĐÁNH GIÁ THÍCH HỢP ĐẤT ĐAI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY VỪNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH	*Nguyễn Như Quý, Trương Quang Hiển, Lương Thị Vân, Phan Văn Thơ, Bùi Thị Diệu Hiền, Đỗ Tấn Nghị, Nguyễn Dương Anh Vũ, Nguyễn Công Định*	79
10	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIS VÀ PHÂN TÍCH ĐA CHỈ TIÊU F-AHP TRONG ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ VỀ VỊ TRÍ QUY HOẠCH ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2030 TẠI THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG	*Bùi Ngọc Tú, Nguyễn Thị Tuyết, Lê Phương Thúy*	88
11	ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐA TIÊU CHÍ (MCE) VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ (GIS) ĐỂ XÁC ĐỊNH ĐỘ PHÌ VÀ GIÁ TRỊ SUY GIẢM ĐỘ PHÌ NHIÊU ĐẤT TRONG QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT BỀN VỮNG TỈNH HƯNG YÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG	*Nguyễn Quang Học, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Đức Cường*	97
12	CÁC TRỞ NGẠI ĐỘ PHÌ ĐẤT TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG	*Nguyễn Mộng Nghi, Võ Quang Minh, Phạm Cẩm Đang*	110

CHUYÊN ĐỀ: QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT - KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI

STT	Tên bài báo	Nhóm tác giả	Trang
13	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM HUYỆN TÂN HIỆP TỈNH KIÊN GIANG GIAI ĐOẠN 10 NĂM (2015-2024)	*Nguyễn Thị Anh Đào, Võ Quang Minh*	120

14	TÍCH HỢP SWOT - AHP MỜ TRONG ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	*Lê Cảnh Định*	130
15	ỨNG DỤNG PHONG THỦY TRONG QUY HOẠCH ĐẤT ĐAI XÂY DỰNG NHÀ Ở	*Phạm Văn Cực*	140
16	YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 2010-2020 TỪ GÓC NHÌN NHÀ QUẢN LÝ, DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI DÂN	*Nguyễn Minh Thông, Phạm Thanh Thảo*	146
17	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2021-2023	*Nguyễn Thị Tuyết Lan, Tôn Nữ Tuyết Trinh Nguyễn Văn Bình*	155
18	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2023 TẠI THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN	*Trần Thị Diệu Hiền, Nguyễn Văn Bình, Võ Phan Nhật Quang*	164

CHUYÊN ĐỀ: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN

STT	Tên bài báo	Nhóm tác giả	Trang
19	MỐI QUAN HỆ GIỮA NHIỆT ĐỘ BỀ MẶT VÀ LỚP PHỦ BỀ MẶT TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ HÀ NỘI	*Vũ Thị Thu, Đỗ Văn Nhạ, Quyền Thị Lan Phương, Nguyễn Khắc Việt Ba*	174
20	THÀNH LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT - CÁCH TIẾP CẬN KHÁC NHAU DỰA TRÊN DỮ LIỆU VỆ TINH LANDSAT 8, MODIS, SENTINEL-1A VÀ SENTINEL-2A	*Nguyễn Thị Hồng Điệp, Dương Cơ Hiếu, Nguyễn Thị Thảo Tiên, Nguyễn Trọng Nguyễn*	182
21	SỬ DỤNG ẢNH FLYCAM VÀ PHẦN MỀM TKDESKTOP HỖ TRỢ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TẠI XÃ LONG SƠN, HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN	Nguyễn Văn Cương, *Hoàng Thị Thu Hoài, Lê Văn Tình, Trần Mỹ Hảo, Nguyễn Thanh Hằng*	189

22	ỨNG DỤNG PHẦN MỀM MICROSTATION VÀ ELIS VÀO XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH PHƯỜNG PHAN THIẾT, THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG	*Nông Thị Thu Huyền, Ngô Thị Hồng Gấm*	196
23	NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VIỄN THÁM ĐÁNH GIÁ XU THẾ BIẾN ĐỔI LƯỢNG MƯA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2002-2022	*Trương Hoàng Ngọc Lâm, Trương Thành Nam, Nguyễn Hùng Cường, Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Khắc Hải*	206
24	ỨNG DỤNG THUẬT TOÁN HỌC MÁY THÀNH LẬP BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG TỪ DỮ LIỆU UAV-LIDAR	*Phan Văn Tuấn, Nguyễn Thanh Tuấn*	215
25	ỨNG DỤNG PHẦN MỀM MÃ NGUỒN MỞ TRONG XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁ ĐẤT HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH	*Phùng Trung Thanh, Nguyễn Bá Long, Lê Hùng Chiến*	223
26	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIS XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI CHO PHƯỜNG NGHI HƯƠNG, THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN	*Phạm Thị Hà*	231
27	PHÂN LOẠI HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 ỨNG DỤNG THUẬT TOÁN HỌC MÁY (MACHINE LEARNING) - TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	*Đỗ Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Thị Hồng Điệp, Nguyễn Trọng Nguyễn, Phạm Duy Tường*	238
28	ỨNG DỤNG ẢNH VIỄN THÁM ĐỘ PHÂN GIẢI CAO TRONG PHÂN LOẠI CÂY ĂN QUẢ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TÂN PHÚ, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE	*Phạm Hoàng Tú, Nguyễn Trọng Nguyễn, Nguyễn Thị Hồng Điệp*	246

CHUYÊN ĐỀ: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

STT	Tên bài báo	Nhóm tác giả	Trang
29	ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK	*Nguyễn Văn Đức, Lê Duy Kiên, Châu Võ Trung Thông*	254
30	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VỀ THỦ TỤC HOÀ GIẢI, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI TẠI HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	*Lê Ngọc Phương Quý, Dương Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hải, Trần Thị Kiều My, Tôn Nữ Tuyết Trinh*	264
31	ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN MỸ THUẬT ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG	*Phạm Cẩm Đang, Nguyễn Minh Thông, Trần Thanh Phong, Võ Quang Minh, Lê Minh Khánh*	270
32	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN	*Trần Thế Long, Lê Thị Thu Nhàn*	285
33	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT MỘT SỐ DỰ ÁN GIAO THÔNG TẠI HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	*Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Lê Phú Cường, Tạ Tuyết Thái*	292
34	NGHIÊN CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG	*Hoàng Phương Anh, Phạm Anh Tuấn, Bùi Nguyễn Thu Hà*	304
35	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHUYỂN DỊCH ĐẤT ĐAI TẠI HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC	*Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Anh Tuấn*	315

36	THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN SAU KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TẠI DỰ ÁN DANKO CITY THÁI NGUYÊN	*Nguyễn Khắc Thái Sơn, Nguyễn Khắc Hải, Nguyễn Văn Huy, Nguyễn Thị Lợi*	327
37	ẢNH HƯỞNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP, VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2015 – 2021	*Hoàng Hữu Chiến, Đỗ Quang Tuân, Nông Quốc Thiên, Nguyễn Quang Thi, Nguyễn Huy Trung, Chu Văn Trung, Nguyễn Ngọc Anh, Dương Minh Ngọc, Nguyễn Duy Hải*	335
38	MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2020-2022	*Lê Văn Thơ, Nguyễn Lê Duy, Vương Vân Huyền, Tô Xuân Đức*	343
39	ĐÁNH GIÁ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TẠI XÃ CÙ BỊ, HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	*Đặng Thị Lan Anh, Phạm Nguyễn Dao Chi, Phùng Trung Thanh, Lê Đức Thành*	351
40	CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI CỦA NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP	*Ngô Thạch Thảo Ly, La Văn Hùng Minh*	359
41	TỪ NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ "TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT" ĐẾN LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2024	*Nguyễn Thế Phúc, Hà Lê Dũng*	367
42	ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2020-2023	*Phan Trọng Thế, Nguyễn Sỹ Hà, Đỗ Thế Sơn*	374

43	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI TẠI THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2020 - 2023	*Phan Trọng Thế, Mai Thị Huyền, Nguyễn Sỹ Hà, Hà Tấn Lộc*	383
44	NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHĨA HƯNG, TỈNH NAM ĐỊNH	*Trần Thu Thủy, Hoàng Xuân Lâm*	392
45	NHỮNG VẤN ĐỀ THỰC TIỄN CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG	*Nguyễn Thị Phương Duyên, Nguyễn Quang Huy*	401
46	CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT PHỤC VỤ ĐÔ THỊ HOÁ THỊ XÃ THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH	*Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Khắc Việt Ba*	412
47	ĐÁNH GIÁ CHUỖI NGÀNH HÀNG DỪA VÀ GIẢI PHÁP SỬ DỤNG ĐẤT TẠI HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE	*Nguyễn Thị Song Bình, Phan Hoàng Vũ, Phan Chí Nguyện, Phạm Thanh Vũ, Vương Tuấn Huy*	424
48	ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG RÁC THẢI TRÊN MỘT SỐ LOẠI HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT TẠI QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ	*Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Phô, Võ Quang Minh, Phạm Cẩm Đang*	430
49	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NHỮNG VƯỚNG MẮC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT CÓ NGUỒN GỐC TỪ NÔNG, LÂM TRƯỜNG TẠI TỈNH ĐẮK LẮK	*Đặng Thị Thúy Kiều, Quyền Thị Lan Phương, Nguyễn Thị Diệu*	443
50	NGHIÊN CỨU ĐÁNH SỐ NHÀ PHỤC VỤ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	*Trần Duy Hùng, Mai Xuân Sảng, Nguyễn Trung Quyết, Đào Đức Hưởng, Huỳnh Hữu Nghĩa, Văn Ngọc Cần*	452

51	CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CHO CÁC DỰ ÁN CHUNG CƯ THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	*Nguyễn Thị Bích Phượng, Trần Duy Hùng, Nguyễn Trung Quyết, Nguyễn Thị Tường Thư*	463
52	ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYỀN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2021-2023	*Nguyễn Ngọc Ánh, Tôn Nữ Tuyết Trinh, Nguyễn Văn Bình*	475

CHUYÊN ĐỀ: ĐỊNH GIÁ ĐẤT VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

STT	Tên bài báo	Nhóm tác giả	Trang
53	THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	*Nguyễn Thị Thu Hương, Phan Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Nam, Vũ Thị Hoàn, Ngô Trung Thành*	484
54	NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH	*Đỗ Văn Nhạ, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Khắc Việt Ba, Vũ Thị Thu, Nguyễn Đức Lộc*	492
55	ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN TẠI HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	*Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh, Nguyễn Thị Thúy Ngân*	502
56	THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI	*Nguyễn Lê Diệu Linh, Vũ Thị Thúy Hảo*	509
57	NGHIÊN CỨU BIẾN ĐỘNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN CHỢ CHU, HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2020 - 2022	*Trần Thị Mai Anh, Vũ Thị Thanh Thủy, Nguyễn Đình Thi, Dương Anh Quân*	518

58	MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC VỀ ĐỊNH GIÁ ĐẤT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI 2024	*Ngô Thị Phương Thảo, Nguyễn Thanh Lân, Trần Thu Thủy*	525
59	ỨNG DỤNG THUẬT TOÁN RANDOM FOREST ĐỂ NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ ĐẤT Ở TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT	*Nguyễn Ngọc Thanh, Đỗ Minh Tùng, Nguyễn Thị Thùy An, Trần Thị Ánh Tuyết*	537

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIS XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI CHO PHƯỜNG NGHI HƯƠNG, THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN

Phạm Thị Hà

Bộ môn Quản lí đất đai, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Trường Đại học Vinh

Email: phamha6868@gmail.com

TÓM TẮT

Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai là nhiệm vụ cấp thiết, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi nước ta đang hướng tới xây dựng Chính phủ điện tử. Cơ sở dữ liệu địa chính là một thành phần cốt lõi của cơ sở dữ liệu đất đai. Ở phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò mặc dù công tác đo đạc thành lập bản đồ địa chính đã được triển khai từ năm 2006 và đã mang lại nhiều lợi ích phục vụ công tác quản lí đất đai, nhưng mới chỉ lưu trữ và quản lí trên Microstation, thiếu đồng bộ, thiếu kết nối giữa không gian và thuộc tính gây khó khăn, mất thời gian hơn trong công tác quản lí cũng như hiệu quả sử dụng dữ liệu. Bài viết này ứng dụng công nghệ GIS xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cho địa bàn phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An một cách đồng bộ thống nhất để hỗ trợ công tác quản lí đất đai chính xác nhanh chóng hiệu quả hơn.

Từ khoá: *cơ sở dữ liệu địa chính, GIS, Nghi Hương, Cửa Lò.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đo đạc, lập bản đồ, xây dựng dữ liệu địa chính là cơ sở quan trọng kê khai đăng ký, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phục vụ đắc lực trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, tạo tiền đề quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính dưới dạng số đã được các cấp quan tâm triển khai thực hiện nhằm đồng bộ thông tin, dễ truy cập, khai thác, vận hành, tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai [5-7]. Hiện nay, mặc dù dữ liệu địa chính chủ yếu đã được thành lập dưới dạng số tuy nhiên đang được quản lí rời rạc giữa dữ liệu không gian và thuộc tính trên một số phần mềm như Microstation, Famis, ViLis, gCadas…[6-8]. Dữ liệu địa chính từ các phần mềm này mới dừng lại ở dữ liệu đơn lẻ, chưa được tập hợp lại dưới dạng bộ cơ sở dữ liệu (CSDL) như quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT. Điều đó gây khó khăn cho việc đồng bộ dữ liệu cũng như sử dụng dữ liệu cho nhiều mục đích quản lí đất đai khác nhau. Nghiên cứu này sử dụng công nghệ GIS để khắc phục vấn đề đó, tạo được sự kết nối liền mạch, cụ thể giữa dữ liệu không gian và thuộc tính địa chính. Với khả năng quản lý và khả năng liên kết với các hệ thống thông tin có liên quan, công nghệ GIS vừa giúp người quản lý, người sử dụng có thể tra cứu tất cả các thông tin liên quan đến thửa đất, một cách tiện lợi, tin cậy và

đầy đủ, vừa giúp nhà quản lý dễ dàng cập nhật điều chỉnh những thay đổi về dữ liệu địa chính nhanh chóng chính xác góp phần xây dựng hệ thống quản lí đất đai hiện đại [3-4].

Nghi Hương là trung tâm của thị xã Cửa Lò, với vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên thuận lợi, phường góp phần không nhỏ cho sự phát triển kinh tế xã hội địa phương về các mặt như dịch vụ du lịch, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp. Tổng diện tích tự nhiên là 999,97ha trong đó đất nông nghiệp là 596.07 ha, đất phi nông nghiệp là 348.53 ha, đất chưa sử dụng là 55.19ha [5]. Dữ liệu địa chính của phường hiện đang được lưu trữ sử dụng bằng phần mềm Microstation và hồ sơ giấy, vẫn đang còn một số hạn chế trong sử dụng cho công tác quản lí vì vậy cần thiết ứng dụng GIS để xây dựng và cập nhật dữ liệu địa chính cả về mặt không gian lẫn các thông tin thuộc tính liên quan đến thửa đất một cách nhanh chóng, chính xác phục vụ cho công cuộc hướng tới xây dựng Chính phủ điện tử của nước ta.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu: Các tài liệu số liệu thứ cấp, bản đồ chuyên đề các loại phục vụ cho xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính như bản đồ địa chính (BĐĐC), bản đồ hiện trạng sử dụng (HTSD) đất, bản đồ quy hoạch…, các hồ sơ địa chính, số liệu thống kê kiểm kê được thu thập tại các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ có liên quan đến công tác quản lý đất đai trên địa bàn phường Nghi Hương và thị xã Cửa Lò, sở Tài nguyên và môi trường Nghệ An. Việc thu thập các hồ sơ này có ý nghĩa rất lớn cho việc xây dựng dữ liệu đầy đủ, chính xác về mặt không gian và thuộc tính của các thửa đất.

Phương pháp GIS: Sử dụng công nghệ GIS trong việc biên tập, chuẩn hóa các loại bản đồ chuyên đề để làm dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính của CSDL địa chính, nhất là kết nối các dữ liệu thành một bộ thống nhất, thuận lợi trong việc truy cập phân tích xử lí mọi thông tin liên quan đến thửa đất, hỗ trợ đắc lực cho quản lí đất đai. Để có kết quả cuối cùng đó, cần lần lượt tiến hành:

- Xử lý, tổng hợp thông tin, tài liệu, số liệu và bản đồ thu thập: Chỉnh lý nội dung, chuẩn hóa bản đồ địa chính; hiện chỉnh thống nhất nội dung thông tin bản đồ hiện trạng sử dụng đất với bản đồ địa chính để đảm bảo đồng bộ dữ liệu, chuẩn hóa nội dung thông tin đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu: Chuẩn hóa định dạng dữ liệu, sau khi đã chuẩn hóa BĐĐC, bản đồ HTSD đất, các dữ liệu bản đồ này được chuyển sang ArcGIS để tiếp tục xây dựng đầy đủ CSDL.

Thiết kế cấu trúc dữ liệu cho các đối tượng, được tạo lập đến đến từng thửa đất (ID) đối với bản đồ địa chính.

Nhập các thông tin thuộc tính từ cơ sở thuộc tính; hồ sơ địa chính liên quan như thông tin về chủ sử dụng, số chứng minh thư nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số phát hành GCN QSD đất đối với thửa đất đã được cấp GCN QSD đất,…

Tích hợp các lớp thông tin từ các loại bản đồ để tạo lập cơ sở dữ liệu địa chính phường Nghi Hương. Các thông tin trong CSDL đó được quản lý, khai thác trong một hệ GIS thống nhất. Nội dung xây dựng CSDL địa chính Nghi Hương được xây dựng đúng quy định và được thể hiện ở mục 3.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính ở địa bàn nghiên cứu

Cơ sở dữ liệu địa chính được xây dựng theo quy trình quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT và được khái quát bằng sơ đồ Hình 1; trong đó dữ liệu không gian đất đai nền được xây dựng để làm cơ sở xây dựng, định vị dữ liệu không gian địa chính và việc xây dựng dữ liệu không gian tiến hành xây dựng đồng thời dữ liệu không gian đất đai nền với dữ liệu không gian địa chính.

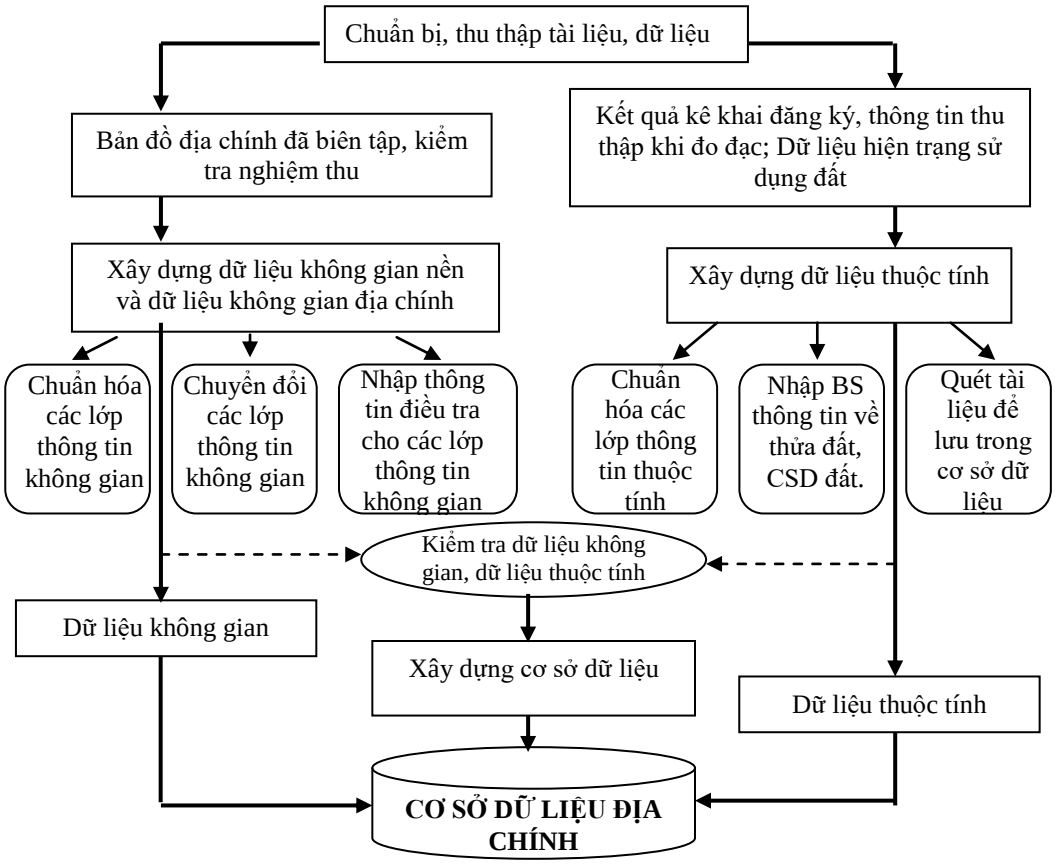

Hình 1. Sơ đồ Quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính

3.2. Tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính

3.2.1. Chuẩn bị bản đồ địa chính

Từ 54 mảnh bản đồ địa chính thu thập được tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tiến hành chuẩn hóa dữ liệu bản đồ để có được bản đồ địa chính đã được chuẩn hóa phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu. Chuẩn hóa dữ liệu là công việc quan trọng để quản lý và sử dụng thống nhất CSDL, đảm bảo quá trình tích hợp, xử lý, khai thác tốt nhất. Công tác chuẩn hóa dữ liệu bản đồ được thực hiện theo nhiều công đoạn phức tạp như: Chuẩn lại các lớp bản đồ thống nhất giữa các mảnh bản đồ, cắt ghép các mảnh theo ranh giới hành chính phường, tiếp biên giữa các mảnh bản đồ, chuẩn lại cách đánh số thửa, kiểm tra topology, làm trơn đường, cắt bỏ các đoạn thừa của các đường tại các điểm giao nhau, xóa đường bị trùng nhau (Duplicate), nối các đoạn hở của đường.

Chuẩn dữ liệu địa chính quy định 03 đối tượng liên quan đến dữ liệu về thửa đất như sau: Thuộc tính; không gian theo mô hình không gian tôpô; không gian theo mô hình không gian hình học. Lần lượt chuẩn hoá cơ sở toán học, chuẩn hóa các đối tượng bản đồ, biên tập cấu trúc Topology và xử lý lỗi kỹ thuật trong quá trình biên tập. Kết quả sau bản đồ địa chính sau chuẩn hóa được thể hiện ở Hình 2.

3.2.2. Chuyển đổi dữ liệu

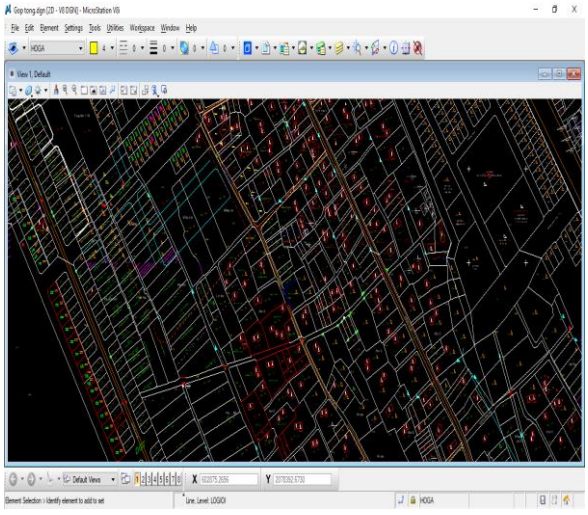

Hình 2. Bản đồ địa chính đã chuẩn hóa

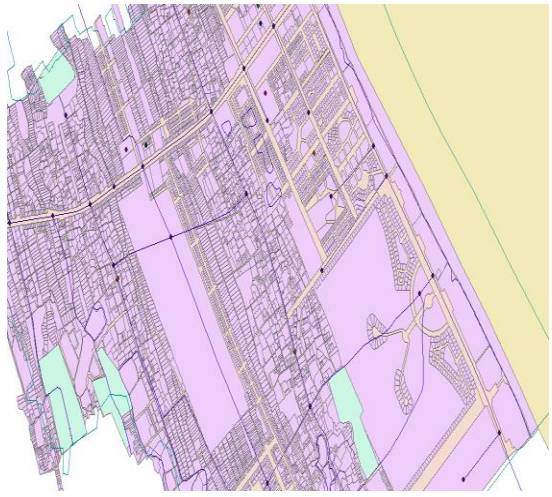

Hình 3. Kết quả chuyển từ định dạng(*.dgn) sang định shapefile (*.shp) bằng ArcGIS

Bản đồ địa chính được thành lập, quản lý và lưu trữ dữ liệu bằng phần mềm Microstasion. Dữ liệu lưu trữ trong Microstation là dữ liệu dạng đồ họa, không có dữ liệu thuộc tính như các phần mềm GIS khác. Điểm hạn chế của phần mềm này là không hỗ trợ liên kết dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính. Để sử dụng nguồn dữ liệu từ phần mềm

này, cần phải biên dịch dữ liệu thông tin của các đối tượng trong Microstation dưới dạng file (*.dgn) và chuyển dữ liệu sang định dạng shapefile (*.shp) của phần mềm khác để xử lý và liên kết dữ liệu phi hình học và dữ liệu hình học. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phần mềm ArcGIS để thực hiện chuyển đổi định dạng dữ liệu từ (*.dgn) sang (*.shp). Kết quả sau khi chuyển sang.shp được thể hiện như Hình 3.

a. Xây dựng dữ liệu không gian nền

Dữ liệu không gian đất đai nền được xây dựng để làm cơ sở xây dựng, định vị dữ liệu không gian địa chính và được tiến hành xây dựng đồng thời với dữ liệu không gian địa chính [1-2]. Cơ sở dữ liệu không gian đất đai nền gồm 5 lớp thông tin được xây dựng theo Thông tư số 75/TT-BTNMT gồm lớp dữ liệu điểm khống chế đo đạc, lớp dữ liệu biên giới địa giới, lớp dữ liệu thủy hệ, lớp dữ liệu giao thông, lớp dữ liệu địa danh và ghi chú. Kết quả xây dựng dữ liệu không gian nền như Hình 5.

b. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính

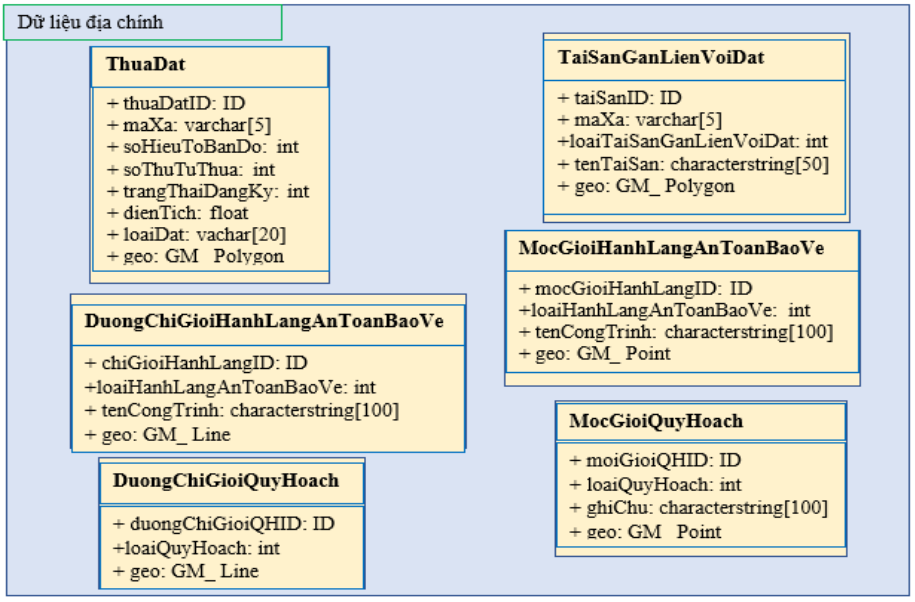

Hình 4. Sơ đồ các lớp dữ liệu địa chính

Cơ sở dữ liệu không gian địa chính gồm 6 lớp thông tin được xây dựng theo Thông tư số 75/TT-BTNMT như Hình 4.

Dữ liệu thuộc tính gồm dữ liệu về thửa đất; dữ liệu về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất; dữ liệu về tài sản gắn liền với đất; dữ liệu về quyền sử dụng đất, quyền quản lý đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; dữ liệu tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền quản lý đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; dữ liệu về sự thay đổi trong quá trình sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất; các dữ liệu khác có liên quan tới thửa đất được xây dựng theo đúng Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT. Kết quả xây dựng CSDL địa chính được thể hiện ở Hình 5.

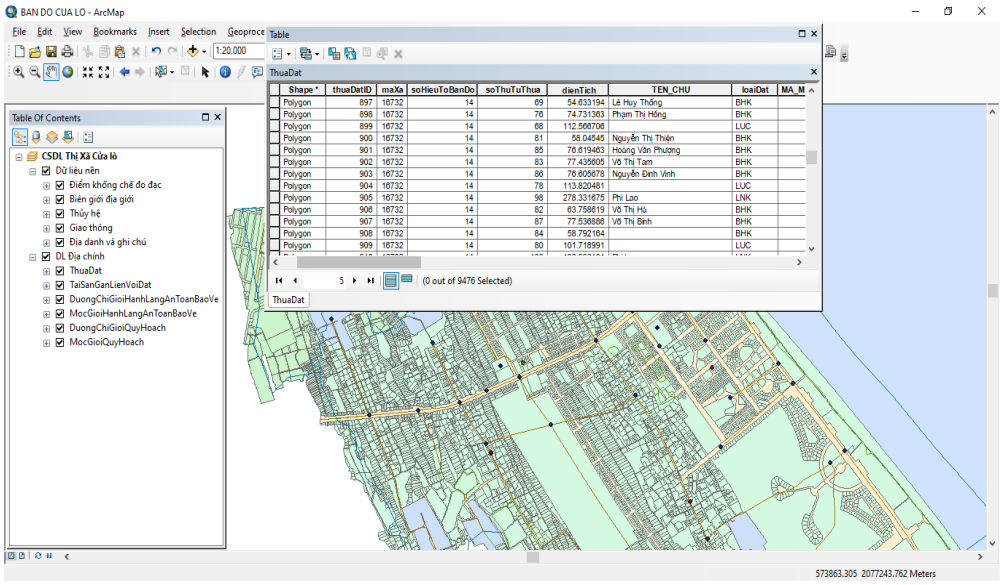

Hình 5. Kết quả xây dựng dữ liệu không gian nền và cơ sở dữ liệu địa chính phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò.

Từ kết quả dữ liệu địa chính được xây dựng các nhà quản lí có thể thuận lợi trong sử dụng dữ liệu phục vụ cho quản lí đất đai nhanh chóng hiệu quả và chính xác. Tuy nhiên, cần cập nhật biến động vào dữ liệu nhanh chóng kịp thời thì mới phát huy tối đa hiệu quả sử dụng dữ liệu này trong quản lí đất đai đa mục tiêu.

4. KẾT LUẬN

Cơ sở dữ liệu địa chính được xây dựng bằng GIS đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT. Dữ liệu xây dựng đồng bộ đảm bảo tính chính xác về không gian, tính đầy đủ về các thông tin thuộc tính phục vụ cho công tác quản lí đất đai đa mục tiêu và mang lai hiệu quả cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015). Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 28/12/2015 quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2017). Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2017 quy định về quy trình xây dựng CSDL đất đai.

3. Mitchell A. (1999). The ESRI guide to GIS analysis, Volume 1: Geographic Patterns & Relationships. ESRI Press. Redlands, USA.

4. Nguyễn Đình Bồng, Trần Thị Minh Hà & Nguyễn Thị Thu Hồng (2014). *Mô hình quản lý đất đai hiện đại ở một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Phan Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Nam, Trần Trọng Phương, Phan Đình Binh, Nguyễn Văn Quân, Trương Quang Ngân, Nguyễn Đình Trung, Phạm Thanh Quế, Vũ Thanh Biển, Trần Thái Yên và Bùi Nguyên Hạnh (2021). *Quản lý đất đai tại Việt Nam lý luận và thực tiễn*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

6. Tổng cục quản lý đất đai (2019). Đề án tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Trung tâm dữ liệu và thông tin đất đai.

7. Trần Văn Tuấn & Lê Phương Thúy (2015). Một số đánh giá và đề xuất xây dựng CSDL đất đai phục vụ công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tuyển tập Báo cáo khoa học - Tổng cục Quản lý đất đai. 305-315.

8. Trần Văn Tuấn, Trần Quốc Bình, Thái thị Quỳnh Như, Đỗ Thị Tài Thu, Lê Phương Thúy, Phạm Thị Phin, Nguyễn Xuân Sơn, Lê Thị Hồng, Phạm Sỹ Liêm,Trần Thị Hà & Tô Thị Thi (2012). Nghiên cứu đề xuất giải pháp hiện đại hóa hệ thống hồ sơ địa chính phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất bền vững đất đai tại huyện Ba Vì, TP Hà Nội. Đề tài NCKH cấp Đại học. Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Trường Giang (2021). Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai hoàn chỉnh:chưa vượt khó được để về đích. Truy cập từ https://baotainguyenmoitruong.vn/xay-dung-co-so-du-lieu-dat-dai-hoan-chinh-chua-vuot-duoc-kho-khan-de-ve-dich-319185.html ngày 23/05/2024.

10. UBND thị xã Cửa Lò (2023). Báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Cửa Lò.

SUMMARY

APPLYING GIS TECHNOLOGY TO BUILD A CADASTRAL DATABASE TO SUPPORT LAND MANAGEMENT FOR NGHI HUONG WARD, CUA LO TOWN, NGHE AN PROVINCE

Pham Thi Ha

Land management department,School of Agriculture and Resources, Vinh university

Building a land database is an urgent task, especially in the current period when our country is moving towards building an e-Government. The cadastral database is a core component of the land database. In Nghi Huong ward, Cua Lo town, although the work of cadastral mapping and surveying has been implemented since 2006 and has brought many benefits to serve land management, it has only been stored and Management on Micostation, lack of synchronization, lack of connection between space and attributes makes management more difficult and time-consuming as well as effective in using data. This article applies GIS technology to build a cadastral database for Nghi Huong ward, Cua Lo town, Nghe An province in a uniform and synchronous way to support land management accurately and quickly more effective.

Keywords: *cadastral database, GIS, Nghi Huong, Cua Lo.*

Ngày nhận bài: 01/5/2024.

Ngày thông qua phản biện: 15/5/2024.

Ngày duyệt đăng: 27/5/2024.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

07 Hà Nội, TP. Huế - Điện thoại: 0234.3834486

http://huph.hueuni.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc, Tổng biên tập: Trần Bình Tuyên

Biên tập viên: Trần Thị Hồng My

Biên tập kỹ thuật: Trần Dương Hoàng Long

Trình bày, minh họa: Minh Tuyến

Sửa bản in: Dương Hoàng

Đối tác liên kết xuất bản

Nguyễn Hữu Ngữ, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

102 Phùng Hưng, thành phố Huế

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TOÀN QUỐC LẦN THỨ II
PROCEEDINGS OF THE SECOND NATIONAL CONFERENCE ON LAND MANAGEMENT

In 120 bản, khổ 19x27cm tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vân Thái, 89 Nguyễn Huệ, thành phố Huế. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1933-2024/CXBIPH/2-30/ĐHH. Quyết định xuất bản số: 375/QĐ-NXB cấp ngày 25 tháng 6 năm 2024. In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.

ISBN: 978-604-489-315-0